TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2022**/HSST
Ngày: 12/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Kế Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Sơn
2. Ông Phạm Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm*:** Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 16/2022/HSST, ngày 18 tháng 01 năm 2021, Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 65/2022QĐST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022. Quyết Đ hoãn phiên tòa số 16/2022QĐST-HPT, ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết Đ hoãn phiên tòa số 18/2022QĐST-HPT, ngày 22 tháng 3 năm 2022, Quyết Đ hoãn phiên tòa số 19/2022QĐST-HPT, ngày 29 tháng 3 năm 2022, Quyết Đ hoãn phiên tòa số 21/2022QĐST-HPT, ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1982. Tên gọi khác: không. HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố số 4 Phú Mỹ, phường MĐ 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Ông Nguyễn Văn Y (đã chết), mẹ đẻ: Bà Vũ Thị B. Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Phạm Ngọc B1. Có 03 con: Lớn sinh năm 2002; Nhỏ sinh năm: 2012.

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án.

Bản án số 581 ngày 18/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phúc thẩm xử phạt: 08 tháng tù về tôi Đánh bạc (số tiền sử dụng đánh bạc 13.310.000đồng) nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 tháng, kể từ ngày 18/8/2020 (chưa được xóa án tích). Phạm tội trong thời gian thử thách của án treo.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2021 đến 08/7/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thúy V - Sinh năm: 1979. Tên gọi khác: không. HKTT và chỗ ở: Tổ 12, phường N, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Ông Nguyễn Văn L, mẹ đẻ: Bà Ngô Thị Ng. Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Ly hôn 2013. Con: có 02 con; Lớn sinh năm 2003; Nhỏ sinh năm: 2004.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2021 đến 08/7/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phùng Thị LA - Sinh năm: 1996. Tên gọi khác: không. HKTT và chỗ ở: Thôn Đ Bảng, xã Đ Thái, huyện B, thành phố Hà Nội. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Ông Phùng Minh C (đã chết), mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị Nh. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Ly hôn năm 2017. Có 01 con sinh năm: 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 02/6/2021 đến 11/6/2021 được hủy bỏ tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo LA**: Luật sư Đỗ Anh Th – Công ty Luật A – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo V**: Luật sư Nguyễn Anh T – Công ty Luật TNHH P– Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị hại:

1. Anh Lê Đức Đ, sinh năm: 1976.

HKTT: Cao Đức, Gia Bình, Bắc Ninh

2. Anh Lê Minh T2, sinh năm: 1991.

HKTT: Xóm Trung Tâm, xã Ngh Trung, huyện Ngh Đàn, tỉnh Nghệ An.

3. Anh Vũ Văn S, sinh năm: 1987.

HKTT: Thôn 2 Tầng, xã T Hương, huyện T Liêm, tỉnh Hà Nam.

4. Anh Nguyễn Bá T3, sinh năm: 1979;

HKTT: Số 34/7 phố Lê Thánh Tông, Thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

(Anh Đ, anh T2, anh S, anh T3 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị V do không có việc làm và không có tiền chi tiêu cá nhân và V biết thông tin có nhiều người lao động cần tìm việc làm lái xe và phụ xe nên đã nảy sinh ý Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người lao dộng. Khoảng đầu tháng 12 năm 2020, Nguyễn Thúy V đã hẹn Nguyễn Thị D và Phùng Thị LA đến quán cà phê ở đường Nguyễn Hoàng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để bàn bạc về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người lao động và cả ba thống nhất mở một văn phòng để tạo lòng tin cho người lao động đến xin viện và chiếm đoạt tài sản của những người này. Trước đó khoảng tháng 7 năm 2014, Nguyễn Thúy V được một người bạn tên Trinh (không rõ nhân thân lai lịch) nhờ đứng tên là thanh viên của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyên vận Đông Á (gọi tắt là Công ty Đông Á), V đồng ý và ký vào hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty trên. Sau đó, V không biết Công ty Đông Á hoạt động kinh doanh như thế nào và ở đâu. Năm 2015, Trinh gặp V và nhờ V giữ hộ túi đồ trong đó có con dấu của Công ty Đông Á, nhưng sau đó Trinh không quay lại lấy túi đồ này. Có được con dấu của Công ty Đông Á, V bàn bạc với D và LA là lấy tên công ty Đông Á để mở văn phòng giao dịch và đăng thông tin tuyển dụng lái xe và phụ xe (bốc xếp), khi người lao động có nhu cầu đến xin việc lái xe, phụ xe thì sẽ yêu cầu người xin việc phải nộp số tiền mua đồng phục lái xe, tiền ký quý công ty…sau đó sẽ để chiếm đoạt số tiền này. V, D và LA thống nhất phân công cho LA là người có nhiệm vụ đưa thông tin giả lên mạng internet với nội D "Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyên vận Đông Á đăng tuyển lao động lái xe và phụ xe..." kèm theo số điện thoại 0981051745 và tự xưng là My, số điện thoại này do LA sử dụng để liên hệ với những người lao động đến xin việc. Khi người lao động đến văn phòng liên hệ xin việc thì D có nhiệm vụ đưa

đón và hướng dẫn đến văn phòng; còn Nguyễn Thúy V và LA là người trực tiếp tư vấn cho người lao động đến xin việc. Khi tư vấn thì V sử dụng tên giả là Lê Thị Hải còn LA sử dụng tên giả là Nguyễn Kim Hân (hoặc Thủy, My) để giới thiệu, tư vấn cho người lao động và yêu cầu mỗi người lao động nộp số tiền là 1.000.000 đồng là tiền "mua đồng phục lái xe" sau đó LA sẽ liên lạc và yêu cầu người lao động hoàn thiện hồ sơ và đóng thêm từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là tiền "ký quỹ công ty". Khi thu tiền, V viết phiếu thu hoặc viết giấy hẹn và đều ký tên giả là Lê Thị Hải hoặc LA thu tiền thì ký với tên giả là Nguyễn Kim Hân. Số tiền chiếm đoạt được của những người xin việc, V, D và LA thỏa thuận sẽ chia nhau mỗi người được 30%, còn 10% dùng chi trả tiền thuê nhà và dùng trong hoạt động của văn phòng. Sau khi thống nhất D và V đi thuê nhà tại tầng 1 số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để làm văn phòng và D sau đó đã đặt mua 03 bộ bàn ghế trên mạng internet và các đồ dùng văn phòng phẩm cho công ty, còn V là người trả tiền.

Bằng thủ đoạn trên, từ ngày **08/12/2020** đến **31/12/2020**, V, D và LA đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của khoảng 20 người lao động và thu tổng cộng khoảng 50 triệu đồng. Trong đó, Cơ quan điều tra đã xác Đ và làm rõ được các bị can đã chiếm đoạt của 4 người lao động, cụ thể:

Vụ 1: Ngày 18/12/2020, anh Nguyễn Bá T3 đến văn phòng của V và D tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để xin việc lái xe ôtô. Khi đến văn phòng anh Đ được D đón tiếp còn V và LA đã tư vấn sẽ sắp xếp cho anh T3 được lái xe tải ở khu vực tỉnh Thanh Hóa với mức lương 10.000.000đồng/01 tháng. Anh T3 tin tưởng là thật nên đã nộp số tiền 1.000.000đồng "mua đồng phục lái xe" và 4.000.000 đồng tiền "ký quỹ công ty", tổng cộng: 5.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của anh T3, V, D và LA đã chia nhau mỗi người được 1.500.000đồng, còn 500.000đồng V là người giữ số tiền này để trả tiền thuê nhà.

Vụ 2: Thông qua mạng internet, ngày 26/12/2020, anh Vũ Văn S đến văn phòng của V và D tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để xin việc lái xe ôtô và được D tiếp đón dẫn vào văn phòng, sau đó được V và LA tư vấn và đưa ra thông tin giả sẽ sắp xếp cho anh S được lái xe ở khu vực tỉnh Hà Nam với mức lương 9.000.000đồng/01 tháng. Anh S tin tưởng là thật nên đã nộp hồ sơ (gồm Giấy phép lái xe ôtô và giấy chứng minh nhân dân - đều bản photo) cho LA và nộp 1.000.000đồng tiền "mua đồng phục lái xe" và 5.000.000 đồng tiền "ký quỹ công ty" cho V và LA (tổng cộng: 6.000.000đồng). Sau khi nhận tiền của anh S, V, D và LA đã chia số tiền trên

mỗi người được 1.800.000đồng, còn lại 600.000đồng V là người giữ số tiền này để chi trả tiền thuê nhà. Còn hồ sơ xin việc của anh S thì V đã vứt bỏ đi.

Vụ 3: Ngày 28/12/2020, anh Lê Minh T2 đến văn phòng của V và D tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để xin việc lái xe ôtô và được D đón tiếp còn V và LA đã tư vấn và sẽ sắp xếp cho anh T2 được lái xe giao nước ngọt ở khu vực Hà Tĩnh và Nghệ An với mức lương 12.000.000đồng/01 tháng. Anh T2 tin tưởng nên đã nộp số tiền 1.000.000đồng "mua đồng phục lái xe" và 5.000.000 đồng tiền "ký quỹ công ty", tổng cộng: 6.000.000đồng cùng hồ sơ xin việc. Sau khi nhận tiền của anh T2, V, D và LA đã chia nhau mỗi người được 1.800.000đồng, còn 600.000đồng V là người giữ số tiền này để chi trả tiền thuê nhà. Còn hồ sơ xin việc của anh T2 thì V đã vứt bỏ đi.

Vụ 4: Ngày 29/12/2020, Lê Đức Đ đến văn phòng của V, D tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để xin việc lái xe ôtô và được D đón tiếp còn V và LA đã tư vấn sẽ sắp xếp cho anh T2 được lái xe tại giao hàng tạp hóa ở khu vực Từ Sơn và Quế Võ của tỉnh Bắc Ninh với mức lương 12.000.000đồng/01 tháng. Anh Đ tin tưởng là thật nên đã nộp số tiền 1.000.000đồng "mua đồng phục lái xe" và 5.000.000 đồng tiền "ký quỹ công ty", tổng cộng: 6.000.000đồng cùng hồ sơ xin việc (gồm Giấy phép lái xe ôtô và giấy chứng minh nhân dân đều là bản photo). Sau khi nhận tiền của anh Đ, V, D và LA đã chia nhau mỗi người được 1.800.000đồng, còn 600.000đồng V giữ để chi trả tiền thuê nhà. Còn hồ sơ xin việc của anh Đ thì V đã vứt bỏ đi.

Sau khi chiếm đoạt được tiền của những người lao động trên, do không được bố trí công việc nên có nhiều người lao động đến văn phòng tại số 4 ngách 20/26/10 đường MĐ đòi tiền, V đã trả cho 5 người lao động (không xác Đ được nhân thân lai lịch) với số tiền 19.000.000đồng. Sau đó để tránh bị phạt hiện V, D và LA đã thống nhất chuyển văn phòng sang số 33 ngách 52/25 đường MĐ, phường MĐ 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội để tiếp tục lừa đảo, nhưng tại địa điểm văn phòng mới này V, D và LA chưa chiếm đoạt tài sản của ai và **trong quá trình chuyển văn phòng V đã làm rơi mất con dấu của Công ty Đông Á**. Quá trình dọn chuyển văn phòng, V đã xé bỏ tất cả các hồ sơ tài liệu có liên quan việc chiếm đoạt tài sản của người lao động và vứt bỏ vào thùng rác trước của nhà.

Tai Cơ quan điều tra, V, D và LA khai nhận hành vi của minh như đã nêu trên

Quá trình điều tra, V, D và LA còn khai đã lừa đảo chiếm đoạt của một số người bị hại khác, nhưng không biết họ tên, địa chỉ của các bị hại này nên Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã đăng thông báo trên Báo an ninh Thủ Đô để tìm người bị hại trong vụ án, nhưng không xác Đ tiếp nhận thêm người bị hại nào thông báo.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám Đ chữ viết, chữ ký trên giấy hẹn, phiếu thu do anh Lê Minh T2, Lê Đức Đ, Vũ Văn S và anh Nguyễn Bá T3 giao nộp.

Tại Kết luận giám Đ số: 1818/C09-P5 ngày 09/4/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, xác Đ: Chữ viết trên mẫu cần giám Đ ký hiệu A1 (giấy hẹn của anh Lê Minh T2 giao nộp) so với chữ viết của Nguyễn Thúy V trên các mẫu so sánh M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám Đ số: 3678/C09-P5 ngày 21/7/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, xác Đ:

- Chữ viết trên mẫu cần giám Đ ký hiệu A1 và A2 (trừ chữ viết dưới mục người nộp) so với chữ viết của Nguyễn Thúy V trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên mẫu cần giám Đ ký hiệu A5 (trừ chữ viết dưới mục người nộp) so với chữ viết của Phùng Thị LA trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám Đ số: 5459/C09-P5 ngày 30/9/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, xác Đ:

- Chữ viết trên mẫu cần giám Đ ký hiệu A1 (trừ các số tại dòng chữ viết thứ 4 T2h từ trên xuống); Chữ viết trên mẫu cần giám Đ ký hiệu A2 (trừ các dòng chữ viết thứ 3, 4 và 5 T2h từ trên xuống) so với chữ viết của Phùng Thị LA trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận các số tại dòng chữ viết thứ 4 T2h từ trên xuống trên mẫu cần giám Đ ký hiệu A1, các số tại các dòng chữ viết thứ 3, 4 và 5 T2h từ trên xuống trên mẫu cần giám Đ A2 so với chữ viết của Phùng Thị LA trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người viết ra không.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thị D: 01 điện thoại Iphone 11 và 01 điện thoại Nokia 105; thu giữ của Nguyễn Thúy V: 01 điện thoại Samsung galaxy A80 và 01 điện thoại Iphone 6 plus.

Về dân sự: Ngày 07/6/2021, gia Đ bị cáo LA và gia đình bị cáo Nguyễn Thúy V mỗi gia đình đã bồi thường 3.000.000đồng cho anh Vũ Văn S, anh Nguyễn Bá T3, Lê Đức Đ và Lê Minh T2 (mỗi bị hại nhận tổng cộng là 6.000.000đồng). Sau khi nhận tiền anh S, anh Đ, anh T2 và anh T3 đều có đơn xin giảm nhẹ cho bị can V và LA và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyên vận Đông Á, qua xác minh xác Đ Công ty đã dừng hoạt động. Ngày 09/12/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đã ra Quyết Đ số 31438 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lấy lời khai bà Nguyễn Thị H4 là người đại điện theo pháp luật của Công ty Đông Á, nhưng bà H4 khai không quen biết V và không liên quan đến gì đến công ty nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo **Nguyễn Thúy V, Nguyễn Thị D** và **Phùng Thị LA** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo a và đ Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo D, V và LA thừa nhận có bàn bạc, phân công vai trò và cách chia tiền khi chiếm đoạt được, lấy danh Ngh và con dấu của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyên vận Đông Á làm cho những người đến xin việc tin đây là công ty môi giới tuyển dụng lao động. Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo V và LA đã đứng ra bồi thường cho các bị hại số tiền 23.000.000 đồng. Bị cáo D đồng ý thanh toán kỷ phần bồi thường mà bị cáo V, LA đã bồi thường cho những bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo LA: Tôi không có ý kiến về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ liêm truy tố đối với bị cáo. Tôi chỉ mong HĐXX xem xét:

+ Về động cơ: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bố đã mất, không có chồng lại nuôi con nhỏ, do covid nên thất nghiệp, không có tiền nuôi con nên bị cáo LA bị các đối tượng xấu lôi kéo, rủ rê, nghĩ tìm cách kiếm tiền để nuôi con nên sa ngã.

+ Về mục đích phạm tội: Mặc dù lúc đầu bị cáo có tham gia, có được chia tiền nhưng khi thấy các bị hại đến đòi lại tiền thì bị cáo LA đã ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên khi V và D chuyển sang địa điểm khác thì LA đã không làm nữa và về quê. LA có sai nhưng đã có mong muốn "hoàn lương"

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ:

1. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS)

2. Đã bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b Khoản 1 Điều 51 BLHS)

3. Đầu thú, có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì (Khoản 2 Điều 51 BLHS).

4. Nhân thân tốt (chưa có tiền án tiền sự, trước khi phạm tội từng là giáo viên mầm non, có nơi cư trú rõ ràng, ở quê cùng mẹ).

5. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Từ những nhận Đ trên: Đề nghị HĐXX xem xét tuyên phạt mức đầu khung nhưng cho hưởng án treo căn cứ theo quy Đ tại Điều 2 Nghị Đ 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn về án treo: bị xử phạt tù dưới 3 năm, có nhân thân tốt, có 1 tình tiết tăng nặng nhưng có 5 tình tiết giảm nhẹ (trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ quy Đ ở khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo V: Tôi không có ý kiến về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ liêm truy tố đối với bị cáo. Tôi chỉ mong HĐXX xem xét:

+ Về động cơ: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có chồng lại nuôi con đang ở độ tuổi trưởng thành, do dịch bệnh covid kéo dài nên thất nghiệp, không có tiền nuôi con nên bị cáo V bột phát nghĩ cách kiếm tiền để nuôi con nên đã vi phạm pháp luật.

+ Về mục đích phạm tội: Bị cáo có tham gia, có được chia tiền nhưng khi thấy các bị hại đến đòi lại tiền thì bị cáo V đã ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo chuyển sang địa điểm khác để bán hàng online.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ:

1. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS)

2. Đã bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b Khoản 1 Điều 51 BLHS)

3. Nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự;

4. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt

- Tình tiết tăng nặng: Phạm tội từ 02 lần trở lên (điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Từ những nhận Đ trên: Đề nghị HĐXX xem xét tuyên phạt mức đầu khung của khung hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích T2h chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của các bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 174, Điều 56, 65(đối vơi bị cáo D), Điều 38, điểm g khoản 2 Điều 52, bị cáo D thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo V, LA áp dụng thêm điểm b khoản 1 điều 51, LA khoản 2 Điều 51 đầu thú của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo cáo **Nguyễn Thị D** từ 36 đến 42 tháng tù. Tổng hợp hình phạt **08*(Tám)* tháng tù cho hưởng án treo thử thách 16 tháng** về tội: "Đánh

bạc” của Bản án số 581/2020/HS-PT ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 44 **tháng đến 50 tháng tù.**

Bị cáo Nguyễn Thúy V từ 30 đến 36 tháng tù

Bị cáo Phùng Thị LA từ 28 đến 34 tháng tù

Dân sự: Bị cáo V, LA đã bồi thường nên không xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11, màu tím mang ốp nhựa mầu xanh; Số imei: 352896117847306 lắp 1 thẻ sim; 01 điện thoại Nokia 105 mầu đen lắp 02 thẻ sim; 01 điện thoại Samsung galaxy A80 màu đen, mặt lưng có vết nứt; imei: 357105101537609; số imei 2: 357106101537607 lắp 02 thẻ sim; 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng: Số imei: 354392067633456 lắp 01 thẻ sim do các bị cáo sử dụng làm liên lạc với nhau trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác Đ: Từ ngày 18/12/2020 đến 29/12/2020, tại số 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Nguyễn Thúy V cùng Phùng Thị LA và Nguyễn Thị D đã bàn bạc thống nhất phân công nhau và đưa ra thông tin giả về việc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyên vận Đông Á tuyển dụng lái xe và lợi dụng danh Ngh và con dấu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyên vận Đông Á (hiện đã dừng hoạt động) để cho anh Vũ Văn S, Lê Minh T2, Lê Đức Đ và Nguyễn Bá T3 tin tưởng được tuyển dụng là thật lên đã giao tiền để mua đồng phục và tiền ký quỹ sau đó đã chiếm đoạt nhằm chi tiêu cá nhân.

Vụ 1: Ngày 18/12/2020, tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Nguyễn Thúy V, Phùng Thị LA và Nguyễn Thị D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Bá T3 số tiền 1.000.000đồng “mua đồng phục lái xe” và 4.000.000 đồng tiền “ký quỹ công ty”, tổng cộng: 5.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của anh T3, V, D và LA đã chia nhau mỗi người được 1.500.000đồng, còn 500.000đồng V là người giữ số tiền này để trả

tiền thuê nhà.

Vụ 2: Ngày 26/12/2020, tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Nguyễn Thúy V, Phùng Thị LA và Nguyễn Thị D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Vũ Văn S số tiền 1.000.000đồng "mua đồng phục lái xe" và 5.000.000 đồng "ký quỹ công ty", tổng cộng: 6.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của anh S, V, D và LA đã chia số tiền trên mỗi người được 1.800.000đồng, còn lại 600.000đồng V là người giữ số tiền này để chi trả tiền thuê nhà.

Vụ 3: Ngày 28/12/2020, tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội Nguyễn Thúy V, Phùng Thị LA và Nguyễn Thị D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Minh T2 1.000.000đồng "mua đồng phục lái xe" và 5.000.000 đồng "ký quỹ công ty", tổng cộng: 6.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của anh T2, V, D và LA đã chia nhau mỗi người được 1.800.000đồng, còn 600.000đồng Vâ là người giữ số tiền này để chi trả tiền thuê nhà.

Vụ 4: Ngày 29/12/2020, tại số nhà 4 ngách 20/26/10 đường MĐ, phường MĐ 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội Nguyễn Thúy V, Phùng Thị LA và Nguyễn Thị D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Lê Đức Đ 1.000.000đồng "mua đồng phục lái xe" và 5.000.000 đồng "ký quỹ công ty", tổng cộng: 6.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của anh Đ, V, D và LA đã chia nhau mỗi người được 1.800.000đồng, còn 600.000đồng V giữ để chi trả tiền thuê nhà.

[2] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy Đ tại điểm a, đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã lợi dụng sự cả tin của những lao động cần tìm việc làm. Những người lao động tin vào công ty và những người giới thiệu việc làm. Các bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người bị hại nhằm mục đích lừa bị hại giao tiền cho các bị cáo ảnh hưởng đến lòng tin con người và niềm tin đối với các quan hệ xã hội khác, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo V, D, LA có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhận thức được lừa đảo chiếm đoạt số tiền 23.000.000đồng*(Hai mươi ba triệu)* của anh Vũ Văn S, anh Nguyễn Bá T3, Lê

Đức Đ và Lê Minh T2 là gian dối, trái với pháp luật, nhận thức được hậu quả của hành vi chiếm đoạt tài sản của mình là trái pháp luật và mong muốn hậu quả đó xẩy ra.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm s Khoản 1 Điều 51, bị cáo V, LA đã bồi thường cho các bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo V và LA nên bị cáo V và LA được hưởng tình tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm b Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo LA đầu thú, có ông nội là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại Khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người lương thiện, biết được giá trị công sức lao động chân chính và biết tôn trọng pháp luật.

Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ hai lần trở lên quy Đ tại điểm g Khoản 1 Điều 52. Bị cáo D phạm tội trong thời gian thi hành án treo nên lần phạm tội này là tái phạm quy Đ tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D và Phùng Thị LA đều tham gia vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò là đồng phạm, trong đó V là người chủ mưu, khởi xướng, lên kế hoạch, phương hướng cụ thể cho hoạt động lâu dài đồng thời là người thực hành, do đó có vai trò cao nhất. D và LA là người thực hành đã hứa hẹn trước với những người lao động đến xin việc làm, do vậy đánh giá vai trò của D và LA thấp hơn V.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Bá T3, Lê Đức Đ và Lê Minh T2, anh Vũ Văn S đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì về Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Các bị cáo sử dụng điện thoại làm phương tiện liên lạc với nhau để thực hành vi phạm tội do đó cần tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11; 01 điện thoại Nokia 105; 01 điện thoại Samsung galaxy A80; 01 điện thoại Iphone 6 plus.

[7] Về đề nghị của Người bào chữa tại phiên tòa: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo LA, bị cáo V đã phân tích những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ như nhận Đ của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận tuy nhiên về hình phạt thì Hội đồng xét xử thấy không phù hợp với T2h chất mức độ hành vi phạm tội do

đó đề nghị về hình phạt không được chấp nhận. Xử bị cáo LA, bị cáo V tù giam cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung theo quy Đ tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Thị D** từ 36 đến 42 tháng tù. Tổng hợp hình phạt **08*(Tám)* tháng tù cho hưởng án treo thử thách 16 tháng** về tội: "Đánh bạc*"* của Bản án số 581/2020/HS-PT ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **44 tháng đến 50 tháng tù.**

Bị cáo Nguyễn Thúy V từ 30 đến 36 tháng tù

Bị cáo Phùng Thị LA từ 28 đến 34 tháng tù là phù hợp với T2h chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

1. Căn cứ vào Điểm a, đ Khoản 2 Điều 174, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Điểm s Khoản 1 Điều 51 Điều 38, Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 36 *(Ba mươi sáu)* tháng tù về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tổng hợp hình phạt 08*(Tám)* tháng tù về tội: "Đánh bạc*"* nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng T2h từ ngày 18/8/2020 của Bản án số 581/2020/HS-PT ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 44 tháng *(Bốn mươi bốn)* tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T2h từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của Bản án số 581/2020/HS-PT

ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ ngày 05/01/2020 đến ngày 08/01/2020 và trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 21/01/2021 đến ngày 08/7/2021.

2. Căn cứ vào Điểm a, đ Khoản 2 Điều 174, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Điều 38,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thúy V phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thúy V 36*(Ba mươi sáu)* tháng tù về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T2h từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2021 đến ngày 08/7/2021.

3. Căn cứ vào Điểm a, đ Khoản 2 Điều 174, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51 Điều 38,

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Thị LA phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị LA 30 *(Ba mươi)* tháng tù về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T2h từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2021 đến ngày 11/6/2021.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11, màu tím mang ốp nhựa mầu xanh; Số imei: 352896117847306 lắp 1 thẻ sim; 01 điện thoại Nokia 105 mầu đen lắp 02 thẻ sim; 01 điện thoại Samsung galaxy A80 màu đen, mặt lưng có vết nứt; imei: 357105101537609; số imei 2: 357106101537607 lắp 02 thẻ sim; 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng: Số imei: 354392067633456 lắp 01 thẻ sim. Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án quận Nam Từ Liêm theo Biên bản giao nhận vật chứng số 86 ngày 12/01/2022

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- *Bị cáo, người bị hại;*
- *VKSND Q. Nam Từ Liêm*
- *VKSND thành phố Hà Nội*
- *TAND thành phố Hà Nội*
- *Công an quận Nam Từ Liêm*
- *Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;*
- *Lưu HS-VP*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý Kế Hiền